



LAC DUY & ASSOCIATES

**TỪ 17/11/2022: CÁN BỘ
THUỘC 11 LĨNH VỰC SAU
KHI THÔI GIỮ CHỨC VỤ
TỪ 1 ĐẾN 2 NĂM MỚI
ĐƯỢC THÀNH LẬP, QUẢN
LÝ DOANH NGHIỆP**


**CÁC THỦ TỤC DOANH
NGHIỆP CẦN THỰC
HIỆN KHI NGƯỜI LAO
ĐỘNG NƯỚC NGOÀI
THUỘC DIỆN CẤP
GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG**

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT BỊ
BÃI BỎ VÀ CẬP NHẬT
VĂN BẢN PHÁP LUẬT
THÁNG 10/2022**


BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES

LIÊN HỆ CHÚNG TÔI

 <http://lacduy-associates.com>

 lacduy@lacduy-associates.com

 +84917275572/+842836221603

 : Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 10 năm 2022 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Các thủ tục Doanh nghiệp cần thực hiện khi Người Lao động Nước ngoài thuộc diện cấp Giấy phép lao động
- Từ 17/11/2022: Cán bộ thuộc 11 lĩnh vực sau khi thôi giữ chức vụ từ 1 đến 2 năm mới được thành lập, quản lý doanh nghiệp
- Văn bản Pháp luật bị bãi bỏ từ ngày 15/11/2022 và Cập nhật Văn bản Pháp luật tháng 10/2022





THỦ TỤC DOANH NGHIỆP CẦN THỰC HIỆN KHI NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

Khác với các dạng quan hệ lao động thường thấy, lao động nước ngoài là chủ thể đặc biệt vì để giao kết hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp cũng như người lao động nước ngoài cần phải đáp ứng một số điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cụ thể, Khoản 1 Điều 151 Bộ luật Lao động 2019 quy định:

“Điều 151. Điều kiện người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

1. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là người có quốc tịch nước ngoài và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Đủ 18 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;*
- b) Có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề, kinh nghiệm làm việc; có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;*
- c) Không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc pháp luật Việt Nam;*
- d) Có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp quy định tại Điều 154 của Bộ luật này.”*

Căn cứ theo quy định này, có thể thấy ngoài những trường hợp ngoại lệ quy định tại Điều 154 của Bộ luật Lao động 2019 như *Di chuyển trong nội bộ*

doanh nghiệp thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ trong biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới, ... thì hầu hết những người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng lao động phải có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Vì vậy, để có thể tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm việc, doanh nghiệp Việt Nam cần nắm vững các thủ tục pháp lý liên quan đến việc cấp giấy phép lao động cho những người lao động nước ngoài này, cụ thể bao gồm 02 bước chủ yếu như sau:

1. Bước 1: Xin Chấp Thuận Nhu Cầu Sử Dụng Người Lao Động (“NLD”) Nước Ngoài

1.1. Đối với doanh nghiệp không phải là nhà thầu

- Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLD nước ngoài, doanh nghiệp xác định nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà NLD Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với BLĐTBXH hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi NLD nước ngoài dự kiến làm việc theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I, Nghị định 152/2020/NĐ-CP.
- Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài thì doanh nghiệp phải báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

I, Nghị định 152/2020/NĐ-CP trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLD nước ngoài.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài, BLĐTBXH hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng NLD nước ngoài đối với từng vị trí công việc.

1.2. Đối với doanh nghiệp là nhà thầu

- Trước khi tuyển NLD nước ngoài, nhà thầu có trách nhiệm kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của NLD nước ngoài cần tuyển để thực hiện gói thầu tại Việt Nam và đề nghị tuyển NLD Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi nhà thầu thực hiện gói thầu theo Mẫu số 04/PLI Phụ lục I, Nghị định 152/2020/NĐ-CP.
- Trường hợp nhà thầu có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung số lao động đã kê khai thì chủ đầu tư phải xác nhận phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu lao động cần sử dụng của nhà thầu theo Mẫu số 05/PLI Phụ lục I, Nghị định 152/2020/NĐ-CP.
- Trong thời hạn tối đa 02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 NLD Việt Nam trở lên

và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 NLD Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 NLD Việt Nam mà không giới thiệu hoặc cung ứng NLD Việt Nam được cho nhà thầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển NLD nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được NLD Việt Nam theo Mẫu số 06/PLI Phụ lục I, Nghị định 152/2020/NĐ-CP.

2. Bước 2: Nộp Hồ Sơ Xin Cấp Giấy Phép Lao Động Cho NLD Nước Ngoài

Điều 9 Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định hồ sơ xin cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.
- Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng.
- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp.



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2022


- Văn bản, giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật và các tài liệu theo quy định đối với một số công việc, ngành, nghề có yêu cầu đặc biệt (cầu thủ bóng đá, phi công, bảo dưỡng máy bay, thuyền viên,...).
- 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.
- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.
- Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định pháp luật.

3. Những Lưu Ý Mà Doanh Nghiệp Cần Biết Khi Xin Cấp Giấy Phép Lao Động Cho NLD Nước Ngoài

- 3.1. Thời hạn của giấy phép lao động tối đa là **02 năm**, trường hợp gia hạn thì chỉ được gia hạn một lần với thời hạn tối đa là **02 năm**¹. Sau khi NLD nước ngoài được gia hạn giấy phép lao động thì doanh nghiệp và NLD nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến tiếp tục làm việc cho doanh nghiệp.
- 3.2. Thời hạn của hợp đồng lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam **không** được vượt quá thời hạn của giấy phép lao động. Khi sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, hai bên có thể thỏa thuận giao kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn².

¹ Điều 155 Bộ luật Lao động 2019

² Khoản 2 Điều 151 Bộ luật Lao động 2019



CÁC THỦ TỤC DOANH NGHIỆP CẦN THỰC HIỆN KHI NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI (NLĐNN) THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG (GPLĐ)

| Bước 1: Xin chấp thuận Nhu cầu sử dụng NLĐNN | Bước 2: Nộp Hồ Sơ Xin Cấp GPLĐ Cho NLĐNN |
|--|--|
| <p>Đối với Người sử dụng lao động (NSDLĐ) là nhà thầu</p> <p>Trong thời hạn tối đa 02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 Người lao động Việt Nam (NLĐVN) trở lên</p> <p>Tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 NLĐVN</p> <p>15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 NLĐVN</p> | <p>Điều 9 NB số 152/2020/NĐ-CP quy định hồ sơ xin cấp GPLĐ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của NSDLĐ hoặc giấy khám sức khỏe Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận NLĐNN không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự Văn bản, giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật và các tài liệu theo quy định đối với một số công việc, ngành, nghề có yêu cầu đặc biệt 02 ảnh màu Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài |
| <p>Đối với NSDLĐ không phải là nhà thầu</p> <p>Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN, báo cáo giải trình với BLĐTBXH hoặc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc nếu thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN thì NSDLĐ phải báo cáo BLĐTBXH hoặc UBND cấp tỉnh.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN, nhận văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận từ BLĐTBXH hoặc UBND cấp tỉnh</p> | |

Lưu ý:

- Thời hạn của GPLĐ được cấp theo thời hạn của một trong các trường hợp được quy định tại Điều 10 NB 152/2020/NĐ-CP nhưng không quá 02 năm
- Thời hạn của giấy phép lao động được gia hạn một lần với thời hạn tối đa là 02 năm
- Thời hạn của GPLĐ được cấp lại: Thời hạn của GPLĐ được cấp lại bằng thời hạn của GPLĐ đã được cấp trừ đi thời gian NLD nước ngoài đã làm việc tính đến thời điểm đề nghị cấp lại GPLĐ



TỪ 17/11/2022: CÁN BỘ THUỘC 11 LĨNH VỰC SAU KHI THÔI GIỮ CHỨC VỤ TỪ 01 ĐẾN 02 NĂM MỚI ĐƯỢC THÀNH LẬP, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 60/2022/TT-BTC ngày 03/10/2022 (“**Thông Tư 60/2022**”) quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

Cụ thể, người có chức vụ, quyền hạn có thời gian công tác trong 11 lĩnh vực dưới đây sau khi thôi chức vụ không được thành lập, giữ các chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn quy định, bao gồm:

- Quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán;
- Quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Quản lý nhà nước về bảo hiểm;
- Quản lý nhà nước về hải quan;
- Quản lý nhà nước về giá;
- Quản lý nhà nước về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước;
- Quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp và quản lý vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia;
- Quản lý vay nợ, trả nợ trong nước, ngoài nước của Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia và nguồn viện trợ quốc tế cho Việt Nam và nguồn cho vay, viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài;
- Quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước;
- Quản lý nhà nước về tài sản công.



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

Thông Tư 60/2022 cũng quy định đối với 09 trường hợp đầu, thời hạn người có chức vụ, quyền hạn công tác trong các lĩnh vực này không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý là **24 tháng** kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Còn đối với 02 trường hợp còn lại, thời hạn này ngắn hơn, cụ thể là **12 tháng** kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.





BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN BỊ BÃI BỎ TỪ NGÀY 15/11/2022

| SỐ | TÊN VĂN BẢN |
|------------------------------|--|
| LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG | |
| 1. | Thông tư 28/2005/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chế độ tiền lương và phụ cấp lương với công nhân, nhân viên, viên chức xây dựng 05 công trình thủy điện. |
| 2. | Thông tư 12/2007/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chế độ tiền lương và phụ cấp lương với công nhân, nhân viên, viên chức xây dựng công trình thủy điện. |
| 3. | Thông tư 37/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chế độ ăn giữa ca với công nhân, viên chức xây dựng công trình thủy điện Sơn La. |
| 4. | Thông tư 03/2011/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chế độ tiền lương và phụ cấp lương với công nhân, viên chức xây dựng công trình thủy điện Lai Châu, Đồng Nai 5. |
| 5. | Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn xây dựng thang bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. |

LĨNH VỰC VIỆC LÀM

| | |
|----|--|
| 1. | Thông tư 23/2014/TT-BLĐTBXH hướng dẫn một số điều của Nghị định 03/2014/NĐ-CP. |
| 2. | Thông tư 07/2015/TT-BLĐTBXH quy định chi tiết thi hành Nghị định số 196/2013/NĐ-CP. |
| 3. | Thông tư 16/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định 75/2014/NĐ-CP. |
| 4. | Thông tư 40/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn một số điều của Nghị định 11/2016/NĐ-CP. |
| 5. | Thông tư 44/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chính sách đào tạo nghề, việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù |



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Thông tư 58/2015/TT-BLĐTBXH về mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.
2. Thông tư số 23/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định 55/2016/NĐ-CP.
3. Thông tư 42/2016/TT-BLĐTBXH về mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.
4. Thông tư 18/2017/TT-BLĐTBXH hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng quy định tại Khoản 1, 2, 3 Và Khoản 8 Điều 1 Nghị định 76/2017/NĐ-CP.
5. Thông tư 32/2017/TT-BLĐTBXH quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.
6. Thông tư 35/2018/TT-BLĐTBXH về mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2022

| SỐ | NGÀY HIỆU LỰC | TÊN VĂN BẢN |
|----|---------------|-------------|
|----|---------------|-------------|

DOANH NGHIỆP

| | | |
|----|------------|---|
| 1. | 01/10/2022 | Thông tư 52/2022/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 45/2021/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành |
| 2. | 31/10/2022 | Thông tư 57/2022/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 148/2021/NĐ-CP về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn Nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành |

THƯƠNG MẠI

| | | |
|----|------------|---|
| 1. | 18/10/2022 | Thông tư 13/2022/TT-BCT bãi bỏ Khoản 6 Điều 7 Thông tư 05/2021/TT-BCT hướng dẫn nội dung về an toàn điện do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành |
| 2. | 30/10/2022 | Nghị định 69/2022/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải |

BẢO HIỂM

| | | |
|----|------------|---|
| 1. | 01/10/2022 | Thông tư 50/2022/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 119/2015/NĐ-CP quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định 20/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 119/2015/NĐ-CP quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành |
|----|------------|---|



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 10/2022

LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG

| | | |
|----|------------|---|
| 1. | 06/10/2022 | Thông tư 08/2022/TT-BNNPTNT quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành |
| 2. | 10/10/2022 | Thông tư 13/2022/TT-BTTTT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành |
| 3. | 15/10/2022 | Thông tư 14/2022/TT-BLĐTBXH quy định về công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành |
| 4. | 21/10/2022 | Thông tư 16/2022/TT-BLĐTBXH Chương trình đào tạo về nghiệp vụ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành |

ĐẦU TƯ

| | | |
|----|------------|---|
| 1. | 01/10/2022 | Thông tư 19/2022/TT-BKHĐT quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành |
| 2. | 01/10/2022 | Thông tư 09/2022/TT-BGTVT hướng dẫn nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công tư và mẫu loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành |